

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**Quý III năm 2009**

Đơn vị tính : Triệu đồng

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.160.210	4.118.454
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	329.545	207.989
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	374.002	1.912.401
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	648.727	752.390
4	Hàng tồn kho	1.755.360	931.630
5	Tài sản ngắn hạn khác	52.576	314.044
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.724.886	3.299.920
1	Các khoản phải thu dài hạn	28.606	2.963
2	Tài sản cố định	1.804.745	1.990.907
	- Tài sản cố định hữu hình	1.413.526	1.634.825
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	35.017	27.011
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	356.202	329.071
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	647.899	1.043.546
5	Tài sản dài hạn khác	243.636	262.504
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.885.096	7.418.374
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.121.759	1.322.426
1	Nợ ngắn hạn	939.888	1.079.177
2	Nợ dài hạn	181.871	243.249
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.763.337	6.095.948
1	Vốn chủ sở hữu	4.667.139	5.917.217
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.752.757	3.512.653
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ (*)	-	(154)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	869.697	1.659.243
	- Quỹ dự phòng tài chính	175.276	187.493
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	804.461	557.982
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	96.198	178.731
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.198	178.731
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.885.096	7.418.374

II.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chỉ tiêu	Quý III-2008	Quý III-2009	9 tháng đầu năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.178.403	3.061.074	6.111.103	7.917.513
2	Các khoản giảm trừ	(55.588)	(56.738)	(131.964)	(150.718)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.122.814	3.004.335	5.979.139	7.766.795
4	Giá vốn hàng bán	(1.433.641)	(1.862.003)	(4.044.581)	(4.956.210)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.173	1.142.333	1.934.559	2.810.585
6	Doanh thu hoạt động tài chính	37.013	73.151	216.590	208.736
7	Chi phí tài chính	(39.994)	24.135	(219.545)	(19.790)
8	Chi phí bán hàng	(291.823)	(333.524)	(722.779)	(862.311)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(55.365)	(70.811)	(171.506)	(197.023)
10	. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	339.004	835.283	1.037.319	1.940.198
11	. Thu nhập khác	32.169	73.262	95.314	120.985
12	. Chi phí khác	(623)	(45.007)	2.202	46.065
13	. Lợi nhuận khác	31.546	28.255	93.112	74.920
14	. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	370.551	863.538	1.130.431	2.015.118
15	. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.700)	(132.864)	(107.459)	(239.710)
16	. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	335.851	730.674	1.022.973	1.775.408
17	. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.916	4.165	5.836	10.121
18	. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 22 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Phương Lan

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**Quý III năm 2009**

Đơn vị tính : Triệu đồng

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.187.605	4.143.510
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	338.654	217.638
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	374.002	1.912.401
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	646.385	734.646
4	Hàng tồn kho	1.775.342	960.643
5	Tài sản ngắn hạn khác	53.222	318.181
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.779.354	3.347.781
1	Các khoản phải thu dài hạn	475	2.963
2	Tài sản cố định	1.936.923	2.157.236
	- Tài sản cố định hữu hình	1.529.187	1.784.963
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	50.868	42.861
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	356.868	329.411
3	Bất động sản đầu tư	27.489	27.489
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	570.657	896.885
5	Tài sản dài hạn khác	243.810	263.207
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.966.959	7.491.290
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.154.432	1.345.626
1	Nợ ngắn hạn	972.502	1.102.319
2	Nợ dài hạn	181.930	243.307
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.761.913	6.094.491
1	Vốn chủ sở hữu	4.665.715	5.915.756
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.752.757	3.512.653
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ (*)	-	(154)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	869.697	1.659.243
	- Quỹ dự phòng tài chính	175.276	187.493
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	803.037	556.520
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	96.198	178.736
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.198	178.736
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	50.614	51.173
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.966.959	7.491.290



II.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chỉ tiêu	Quý III-2008	Quý III-2009	9 tháng đầu năm 2008	9 tháng đầu năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.170.277	3.054.392	6.088.696	7.892.198
2	Các khoản giảm trừ	(55.588)	(56.738)	(131.964)	(150.718)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.114.688	2.997.653	5.956.732	7.741.480
4	Giá vốn hàng bán	(1.424.576)	(1.857.004)	(4.017.485)	(4.924.997)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	690.112	1.140.649	1.939.247	2.816.483
6	Doanh thu hoạt động tài chính	37.126	77.091	216.877	326.287
7	Chi phí tài chính	(23.145)	27.727	(176.092)	(132.724)
8	Chi phí bán hàng	(291.823)	(333.524)	(722.183)	(862.311)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(58.082)	(72.455)	(176.887)	(201.873)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	354.188	839.488	1.080.362	1.945.863
11	Thu nhập khác	32.394	30.707	97.077	83.272
12	Chi phí khác	(1.266)	(3.160)	(5.095)	(9.623)
13	Lợi nhuận khác	31.127	27.547	91.983	73.649
14	Lỗ trong liên doanh	(13.393)	-	(48.351)	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	371.923	867.035	1.123.993	2.019.512
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.700)	(136.736)	(107.459)	(243.582)
17	Lợi ích cổ đông thiểu số	(2.129)	337	5.004	(560)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	335.094	730.636	1.021.539	1.775.370
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.912	4.165	5.828	10.120
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 22 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Huỳnh Thị Phương Lan

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên